UBND TỈNH ĐỒNG THÁP **VĂN PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2699/VPUBND-KT	*Đồng Tháp, ngày 31 tháng 08 năm 2022*
V/v xin ý kiến về dự thảo Tờ trình và Nghị quyết ban hành quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Tỉnh (*lần 3*)	

Kính gửi: Các thành viên UBND Tỉnh

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định "3. *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về học phí, giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo đối với các dịch vụ chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương; quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; quyết định giá đặt hàng dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương,* ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định*** *khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu,* ***cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương***."

Do đó, Ủy ban nhân dân Tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định là cần thiết.

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh tại Thông báo số 61/TB-CP ngày 05/5/2022, Uỷ ban nhân dân Tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng dự thảo Nghị quyết theo quy định; nội dung chính dự thảo Nghị quyết như sau:

- Về tên gọi dự thảo Nghị quyết có bổ sung cụm từ "phục vụ" so với dự thảo Nghị quyết lần 2, để phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo

dục ngày 14 tháng 6 năm 2019 và khoản 3 Điều 7 Nghị định 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

- Đối với danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức thu được xây dựng trong dự thảo Nghị quyết trên cơ sở khảo sát mức thu thực tế tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Tỉnh và mức thu này phù hợp với điều kiện kinh tế, mức thu nhập của người dân trên địa bàn Tỉnh và cơ sở xây dựng mức thu được xác định theo lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thực hiện theo quy định của Chính phủ .

- Đối với danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức thu và thực hiện theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh và theo thanh quyết toán thực tế.

Dự thảo Nghị quyết cơ bản bám theo Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019, Nghị định 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy chế làm việc của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Văn phòng Uỷ ban nhân dân Tỉnh kính trình xin ý kiến các thành viên Uỷ ban nhân dân Tỉnh về dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết ban hành "*quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*".

(Dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết đính kèm).

Ý kiến góp ý xin vui lòng gửi lại Văn phòng Uỷ ban nhân dân Tỉnh chậm nhất đến **ngày 09/9/2022** để tổng hợp, trình Uỷ ban nhân dân Tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- PCT/UBND Tỉnh Đoàn Tấn Bửu;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT/HSĩ (18 bản).

CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Văn Phú

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-UBND	*Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc Quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Uỷ ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Ngày 27/8/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; đồng thời, Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/10/2021 và thay thế Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015[(1)] và Nghị định số 145/2018/NĐ-

[(1)] Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ[2]. Theo đó, Tại Khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định: *"3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về học phí, giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo đối với các dịch vụ chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương; quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; quyết định giá đặt hàng dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương."*

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Trước đây, việc thực hiện các khoản thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh do cơ quan quản lý về chuyên môn có văn bản hướng dẫn[3] để triển khai thực hiện; đồng thời, thực hiện các khoản thu phải theo đúng nội dung, định mức theo quy định hiện hành; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập trên từng địa bàn; sử dụng đúng mục đích và hiệu quả; mở sổ theo dõi thu, chi, thực hiện công tác kế toán theo quy định. Thực hiện thu các khoản đảm bảo nguyên tắc thu bù chi, có sự thỏa thuận thống nhất bằng văn bản với Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh hiện nay là nhu cầu không thể thiếu để đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh, học sinh và phù hợp với xu thế phát triển. Hiện nay, các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh đã, đang thực hiện cung cấp một số dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cho học sinh có nhu cầu, tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục nên nhiều cơ sở giáo dục công lập còn lúng túng trong thực hiện, không có sự thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Nhằm quy định thống nhất, đồng bộ các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên

---

[2] Nghị định 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

[3] Công văn số 170/SGDĐT-TTr ngày 21/9/2012 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn thực hiện quy định dạy thêm, học thêm từ năm học 2012-2013; Công văn số 190/UBND-KT ngày 10/4/2017 của UBND Tỉnh về việc dạy 2buổi/ngày; Công văn só 1069/SGDĐT-STC ngày 16/8/2019 hướng dẫn Liên Sở Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn thực hiện về đối tượng, cơ chế thu, quản lý học phí, chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; dạy 02 buổi/ngày, ngoại ngữ tăng cường, tổ chức bán trú và giữ trẻ tại cơ sở giáo dục từ năm học 2019 – 2020; Công văn 1235/SGDĐT-KHTC ngày 08/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập năm học 2021 -2022.

công lập trên địa bàn tỉnh, đồng thời, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý tài chính nói chung, quản lý các khoản thu từ người học trong các cơ sở giáo dục công lập; tuỳ theo điều kiện kinh tế xã hội của từng địa phương và thu nhập của người dân thực hiện thoả thuận giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh trên cơ sở cân đối thu chi.

Mặt khác, tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ, quy định: *"**Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục** ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương".*

Như vậy, việc ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp để áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là hết sức cần thiết và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM, XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Việc xây dựng và trình Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Nghị quyết không chỉ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về các hoạt động giáo dục trên địa bàn tỉnh mà còn góp phần huy động các nguồn lực đầu tư phục vụ, hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục, giảm gánh nặng cho ngân sách, đồng thời tạo cơ hội cho các tầng lớp nhân dân được tiếp cận các dịch vụ giáo dục, thụ hưởng bình đẳng thành quả giáo dục.

Nghị quyết ban hành làm cơ sở để các cơ sở giáo dục thực hiện quản lý các khoản thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh và thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành; đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp về các khoản thu, sử dụng các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Tỉnh theo quy định.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định của Luật Giáo dục năm 2019, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ, Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Đồng thời, đảm bảo nhiệm vụ phù hợp chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương xây dựng dự thảo Nghị quyết ban hành quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tại Thông báo số 62/TB-VP ngày 05/05/2022 của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 699/UBND-KT ngày 22/7/2022 chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Báo cáo đánh giá tác động chính sách đến xã hội về quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (tại Báo cáo số 174/BC-UBND ngày 12/7/2022).

4. Dự thảo Nghị quyết đã được lấy ý kiến và tiếp thu góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Báo cáo 125 /BC-STC ngày 09 / 8 /2022

5. Ý kiến định Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1199/BC-STP ngày 25 /8/2022; đồng thời, đã thông qua thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).

Trên cơ sở thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh cho ý kiến, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 05 Điều, cụ thể:

Điều 1, Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2, Nguyên tắc thực hiện.

Điều 3, Danh mục các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập

Điều 4, Cơ chế quản lý thu, chi; chế độ miễn, giảm.

Điều 5, Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nội dung chính của dự thảo Nghị quyết quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

a) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

- Phạm vi điều chỉnh: quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Đối tượng áp dụng: áp dụng đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan; không áp dụng để thuê khoán người nấu ăn cho học sinh trong cơ sở giáo dục công lập đã được hỗ trợ người nấu ăn trong các văn bản của Trung ương và của Tỉnh.

b) Nguyên tắc thực hiện

(1) Hàng năm, Cơ sở giáo dục công lập phải đăng ký danh mục các khoản thu và mức thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục với cơ quan quản lý chuyên môn trực tiếp để được phê duyệt; không được thỏa thuận các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác ngoài các khoản thu dịch vụ theo quy định của Nghị quyết này.

(2) Thực hiện thu, chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; trước khi thu phải có dự toán thu, chi từng khoản đảm bảo tính đúng, tính đủ bù đắp chi phí, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội thực tế của từng địa phương, mức thu nhập của cha mẹ học sinh; các cơ sở giáo dục công lập phải thỏa thuận với cha mẹ học sinh và báo cáo cấp có thẩm quyền bằng văn bản để quyết định mức thu; các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định mức thu không được vượt quá mức thu tối đa theo quy định tại Nghị quyết này.

(3) Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

(4) Nguyên tắc xác định mức thu

(i) Đối với các danh mục dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức thu: cơ sở xác định mức thu tối đa áp dụng mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động tại Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp Chính phủ có điều chỉnh mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì thực hiện theo quy định mới của Chính phủ.

(ii) Đối với các danh mục dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức thu: các cơ sở giáo dục tính theo giá thực tế và thỏa thuận thống nhất bằng văn bản với Ban đại diện cha mẹ học sinh.

c) Danh mục các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập

- Danh mục các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức thu

(1) Dịch vụ phục vụ: *(i)* quản lý, chăm sóc học sinh buổi trưa*:* 10.000 đồng/học sinh/ngày; *(ii)* Thuê người nấu ăn cho học sinh: 80.000-90.000 đồng/học sinh/tháng; *(iii)* tiền bồi dưỡng phục vụ ăn sáng cho trẻ: 5.000 đồng/ngày/học sinh (cơ sở tính căn cứ theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ), *(iv)* Vệ sinh trường, lớp học, khu vệ sinh chung cho học sinh: 7.000 đồng/học sinh/tháng (cơ sở tính căn cứ theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ); *(v)* Nước uống cho học sinh 10.000đồng/tháng/học sinh..

(2) Dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục: *(i)* Chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục học sinh vào các ngày nghỉ, ngày hè (bao gồm quản lý, chăm sóc học sinh buổi trưa) là 15.600-17.500 đồng/giờ/học sinh; *(ii)* Dạy 02 buổi/ngày 5.000 đồng/tiết/học sinh; *(iii)* Dạy thêm học thêm (gồm dạy thêm các môn văn hóa, dạy tiếng anh cho trẻ mẫu giáo, dạy tiếng nước ngoài tăng cường *(giáo viên là người Việt Nam)):* 6.000 đồng/tiết/học sinh; đối với trường chuyên mức thu dạy 02 buổi/ngày, dạy thêm học thêm không quá 02 lần theo Nghị quyết này; *(iv)* Thi cấp chứng chỉ công nghệ thông tin (tin học cơ bản 350.000 đồng/kỳ thi/học sinh, tin học nâng cao 450.000 đồng/kỳ thi/học sinh); *(v)* thi nghề phổ thông 100.000 đồng/đợt thi/học sinh.

- Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức thu và thực hiện theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh và theo thanh quyết toán thực tế.

(1) Tiền ăn sáng cho trẻ mầm non, tiền ăn bán trú của học sinh; tiền mua chất đốt để nấu ăn *(ga, củi, than,…)*; chi phí mua sắm vật dụng dùng chung, đồ dùng cá nhân cho học sinh ở bán trú đối với học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu và những năm tiếp theo; chi phí sửa chữa đồ dùng phục vụ công tác bán trú của học sinh; chi phí mua xà phòng giặt, nước rửa bát, dung dịch rửa tay.

(2) Đồ dùng phục vụ học sinh bán trú, dụng cụ, tài liệu học tập, hạ tầng công nghệ thông tin *(thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, mạng nội bộ)* phục vụ học tập và các hoạt động giáo dục của học sinh; tiền điện, nước sinh hoạt; sổ liên lạc điện tử, học bạ điện tử.

(3) Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa: Giáo dục kỹ năng sống, giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất, tư vấn tâm lý học đường; Tiếng Anh tăng cường với người nước ngoài; phát triển năng khiếu; thi cấp chứng chỉ Ngoại ngữ; hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM (*phương pháp học tập tiếp cận, áp dụng kiến thức Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học)*; Học tính toán nhanh cùng bàn tính Soroban.

d) Cơ chế quản lý thu, chi; chế độ miễn, giảm

(1) Cơ chế quản lý thu, chi

- Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải đảm bảo thu vừa đủ chi, mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; phải công khai, dân chủ, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và thu nhập của người dân trên địa bàn.

- Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường tính theo tháng (theo thực tế thời gian học sinh đến trường).

- Các cơ sở giáo dục xây dựng mức thu đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, chỉ thực hiện khi đã thống nhất với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không vượt quá mức quy định tại Nghị quyết này.

- Hạch toán các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

(2) Chế độ miễn, giảm

- Miễn thu các khoản thu quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này (không bao gồm tiền ăn, nước uống) đối với học sinh thuộc trường hợp: con liệt sỹ; gia đình thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; người khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức mà cả cha và mẹ đều bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

- Giảm 50% mức thu các khoản thu quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này (không bao gồm tiền ăn, nước uống) đối với học sinh thuộc trường hợp: con thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh; gia đình thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

(Gửi kèm tờ trình dự thảo Nghị quyết và các tài liệu kèm theo)

Trên đây là dự thảo Nghị quyết ban hành quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, kính trình Hội đồng nhân dân Tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:
- TT/HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT/HSĩ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Tấn Bửu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2022/NQ-HĐND	*Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022*

DỰ THẢO LẦN 3

NGHỊ QUYẾT

Quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về dự thảo Nghị quyết quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số /BC-HDNĐ ngày tháng 6 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (*sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập*).

b) Người học trong các cơ sở giáo dục công lập quy định tại điểm a khoản này và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

d) Không áp dụng để thuê khoán người nấu ăn cho học sinh trong cơ sở giáo dục công lập đã được hỗ trợ người nấu ăn trong các văn bản của Trung ương và của Tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Hàng năm, Cơ sở giáo dục công lập phải đăng ký danh mục các khoản thu và mức thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục với cơ quan quản lý chuyên môn trực tiếp để được phê duyệt; không được thỏa thuận các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác ngoài các khoản thu dịch vụ theo quy định của Nghị quyết này.

2. Thực hiện thu, chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; trước khi thu phải có dự toán thu, chi từng khoản đảm bảo tính đúng, tính đủ bù đắp chi phí, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội thực tế của từng địa phương, mức thu nhập của cha mẹ học sinh; các cơ sở giáo dục công lập phải thỏa thuận với cha mẹ học sinh và báo cáo cấp có thẩm quyền bằng văn bản để quyết định mức thu; các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định mức thu không được vượt quá mức thu tối đa theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

4. Nguyên tắc xác định mức thu

a) Đối với các danh mục dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức thu: cơ sở xác định mức thu tối đa áp dụng mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động tại Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp Chính phủ có điều chỉnh mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì thực hiện theo quy định mới của Chính phủ.

b) Đối với các danh mục dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức thu: các cơ sở giáo dục tính theo giá thực tế và thỏa thuận thống nhất bằng văn bản với Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Điều 3. Danh mục các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập

1. Danh mục các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức thu: (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*)

2. Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức thu và thực hiện theo thỏa thuận với cha mẹ học sinh và theo thanh quyết toán thực tế.

a) Tiền ăn sáng cho trẻ mầm non, tiền ăn bán trú của học sinh; tiền mua chất đốt để nấu ăn *(ga, củi, than,…)*; chi phí mua sắm vật dụng dùng chung, đồ dùng

cá nhân cho học sinh ở bán trú đối với học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu và những năm tiếp theo; chi phí sửa chữa đồ dùng phục vụ công tác bán trú của học sinh; chi phí mua xà phòng giặt, nước rửa bát, dung dịch rửa tay.

b) Đồ dùng phục vụ học sinh bán trú, dụng cụ, tài liệu học tập, hạ tầng công nghệ thông tin *(thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, mạng nội bộ)* phục vụ học tập và các hoạt động giáo dục của học sinh; tiền điện, nước sinh hoạt; sổ liên lạc điện tử, học bạ điện tử.

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa: Giáo dục kỹ năng sống, giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất, tư vấn tâm lý học đường; Tiếng Anh tăng cường với người nước ngoài; phát triển năng khiếu; thi cấp chứng chỉ Ngoại ngữ; hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM (*phương pháp học tập tiếp cận, áp dụng kiến thức Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học)*; Học tính toán nhanh cùng bàn tính Soroban.

d) Tiền thuê bảo vệ.

Điều 4. Cơ chế quản lý thu, chi; chế độ miễn, giảm

1. Cơ chế quản lý thu, chi

a) Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục phải đảm bảo thu vừa đủ chi, mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; phải công khai, dân chủ, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và thu nhập của người dân trên địa bàn.

b) Các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường tính theo tháng (theo thực tế thời gian học sinh đến trường).

c) Các cơ sở giáo dục xây dựng mức thu đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, chỉ thực hiện khi đã thống nhất với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không vượt quá mức quy định tại Nghị quyết này.

d) Hạch toán các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chế độ miễn, giảm

a) Miễn thu các khoản thu quy định tại Nghị quyết này (không bao gồm tiền ăn, nước uống) đối với học sinh thuộc trường hợp: con liệt sỹ; gia đình thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; người khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức mà cả cha và mẹ đều bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

b) Giảm 50% mức thu các khoản thu quy định Nghị quyết này *(không bao gồm tiền ăn, nước uống)* đối với học sinh thuộc trường hợp: con thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh; gia đình thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khoá X, kỳ họp thứ tư thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày… tháng … năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp - Cục kiểm tra VBQPPL;
- TT/HĐND, UBND,UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh ĐT;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đảng, Đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT/HĐND, UBND huyện,thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. VHXH.

Phụ lục

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CÓ QUY ĐỊNH MỨC THU

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thời lượng thu	Mức thu tối đa			
				Trẻ Mầm non	Học sinh Tiểu học	Học sinh Trung học cơ sở	Học sinh Trung học phổ thông (bao gồm hệ GDTX)
1	**Dịch vụ phục vụ**						
1.1	Quản lý, chăm sóc học sinh buổi trưa	Đồng/ngày/ học sinh	Theo số ngày thực tế học sinh đi học	10.000	10.000	Không	Không
1.2	Thuê người nấu ăn cho học sinh - Vùng III - Vùng IV	Đồng/tháng/ học sinh	Theo số tháng thực tế học sinh đi học	90.000 80.000	90.000 80.000	Không	Không
1.3	Tiền bồi dưỡng phục vụ ăn sáng cho trẻ	Đồng/ngày/trẻ	Theo số ngày thực tế học sinh đi học	5.000	không	không	không
1.4	Vệ sinh trường, lớp học, khu vệ sinh chung cho học sinh	Đồng/tháng/ học sinh	Theo số tháng học thực tế	7.000	7.000	7.000	7.000
1.5	Nước uống cho học sinh	Đồng/tháng/ học sinh	Theo số tháng thực tế học sinh đi học	10.000	10.000	không	không
2	**Dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục**						
2.1	Chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục học sinh vào các ngày nghỉ, ngày hè (*bao gồm quản lý, chăm sóc học sinh buổi trưa*)						

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thời lượng thu	Mức thu tối đa			
				Trẻ Mầm non	Học sinh Tiểu học	Học sinh Trung học cơ sở	Học sinh Trung học phổ thông (bao gồm hệ GDTX)
	- Vùng III - Vùng IV	Đồng/giờ/ học sinh	Theo số ngày thực tế học sinh đi học	17.500 15.600	Không	Không	Không
2.2	Dạy 02 buổi/ngày	Đồng/tiết /học sinh	Theo số tiết học thực tế	không	5.000	5.000	5.000
2.3	Dạy thêm học thêm						
a)	Dạy thêm các môn văn hóa	Đồng/tiết/ học sinh	Theo số tiết học thực tế	Không	Không	6.000	6.000
b)	Dạy tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo; dạy tiếng nước ngoài tăng cường (*Giáo viên là người Việt Nam)*	Đồng/tiết/ học sinh	Theo số tiết học thực tế	6.000	6.000	6.000	6.000
2.4	Dạy 02 buổi/ngày, dạy thêm học thêm: đối với trường chuyên mức thu tối đa không quá 02 lần tại điểm 2.2, 2.3 mục 2 Nghị quyết này						
2.5	Thi cấp chứng chỉ công nghệ thông tin						
a)	Tin học cơ bản	Đồng/ kỳ thi/ học sinh	Theo thực tế kỳ thi học sinh dự thi	Không	Không	350.000	350.000
b)	Tin học nâng cao	Đồng/ kỳ thi/ học sinh	Theo thực tế kỳ thi học sinh dự thi	Không	Không	450.000	450.000
2.6	Thi nghề phổ thông	Đồng/đợt thi/ học sinh	Theo thực tế đợt thi học sinh dự thi	Không	Không	Không	100.000